TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41**/2020/DS-ST
Ngày: 18 - 9 -2020
"V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất cho mượn và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Lầu

Ông Trần Văn Việt

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà*:** Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 96/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Võ Thị H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Ông Nguyễn Văn C.

Địa chỉ: Số 161, ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị C. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3. Bà Trần Kim H (vắng mặt);

4. Bà Trần Thị C (có mặt);

5. Bà Trần Thị L (vắng mặt);

6. Ông Trần Phước Th (vắng mặt);

7. Y (có mặt);

8. Bà Trần Thị H (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng

9. Bà Trần Thị Đ.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

10. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: ẤP B, xã D, huyện D, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- ***Người làm chứng có mặt:***

1. Ông T, sinh năm 1961;

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960;

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1937;

4. Ông Dương Văn U, sinh năm 1952;

5. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2019 trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Võ Thị H trình bày:

Vào năm 1983, nguyên đơn và chồng là ông Trần Văn T (ông T đã chết vào năm 2011) có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ ngụ cùng ấp (hiện ông N và bà Đ đã chết) mượn 01 thửa đất để tỉa mạ, khi cho mượn không có làm giấy tờ, không có đo đạc cụ thể, không thỏa thuận thời gian trả lại đất. Đất này do cha mẹ của ông Trần Văn T để lại, ông N mượn tỉa mạ khoảng 1 đến 2 năm thì ngưng tỉa mạ chuyển sang trồng lá dừa nước. Khi ông N trồng lá dừa nước gia đình nguyên đơn có ngăn cản, ông N có nói là khi nào gia đình nguyên đơn lấy lại đất thì ông tự đốn bỏ lá để trả lại đất.

Đến ngày 21/4/1997 ông Trần Văn T được Ủy ban nhân dân huyện P (nay là huyện D) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa số 281 diện tích 2.618 m^2, thửa 282 diện tích 7.224 m^2. Đến ngày 13/02/2015 Ủy ban nhân dân huyện D cấp đổi lại gộp cH 02 thửa 281 và 282 thành thửa 281 có diện tích là 9.842 m^2 do Trần Văn T và Võ Thị H đứng tên.

Khi ông N qua đời nguyên đơn có yêu cầu bà Đ phá lá trả lại đất cho nguyên đơn, nhưng bà Đ cố tình không trả. Đến khi bà Đ qua đời nguyên đơn yêu cầu con ông N và bà Đ là Nguyễn Thị H thu hoạch phần lá xong trong năm 2012 rồi trả đất cho nguyên đơn nhưng Nguyễn Thị H không trả.

Nguyên đơn Võ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Thị H giao trả lại cho nguyên đơn phần đất có diện tích 2.618 m^2 thuộc một phần thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, An Thạnh 2, huyện D, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 13/02/2015 tại thửa 281 có diện tích là 9.842 m^2 do Trần Văn T và Võ Thị H đứng tên.

Tại đơn yêu cầu hủy quyết định cá biệt ngày 11/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bị đơn có nghe cha, mẹ nói lại là trước năm 1980 cha, mẹ của bị đơn là ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ (hiện đều đã chết) có mua một miếng đất

của mẹ ông Trần Văn T với Bà Võ Thị H là 10.000 đồng, hiện nay mẹ ông T đã mất, họ tên gì không biết, khi mua không có làm giấy tờ, không có ai biết, cha, mẹ bị đơn sử dụng đến năm 2012 thì giao lại cho bị đơn sử dụng, phần đất này gia đình bị đơn không có mượn của bà H. Khi cha mẹ còn sống thì không có tranh chấp. Phần đất trên gia đình bị đơn đã sử dụng từ năm 1980 nhưng không biết vì sao bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn không đồng ý trả đất theo yêu cầu của Bà Võ Thị H. Bị đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 thuộc thửa 281, tờ bản đồ số 7, diện tích 9.842 m^2, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị H buộc bị đơn Nguyễn Thị H cùng chồng là Ông Nguyễn Văn C giao trả 1.192,4 m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc một phần của thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015 cho nguyên đơn cùng các con của ông Trần Văn T, buộc nguyên đơn và các con có trách nhiệm trả giá trị lá dừa nước theo định giá là 24.901.500 đồng cho bị đơn H và ông Của. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015 của bị đơn Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn C; Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị H; Trần Thị Đ và Uỷ ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả lại quyền sử dụng đất cho mượn và bị đơn yêu cầu hủy quyết định các biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp đòi*

quyền sử dụng cho mượn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung:

[3] Các đương sự đều thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp theo Biên bản thẩm định ngày 11/6/2020 là 1.192,4 m^2 thuộc một phần của thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015. Có tứ cận:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 281, có số đo: 17,04 m
- Hướng Tây giáp rạch tôm, có số đo: 26,41 m
- Hướng Nam giáp Hồ Thị Đ, có số đo: 15,48 m + 36,88 m
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa, có số đo: 32,32 m

Phần đất đang tranh chấp 1.192,4m^2 hiện nay đang trồng lá dừa nước do bị đơn Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng. Các đương sự cũng thừa nhận giá trị tài sản đang chấp theo Biên bản định giá ngày 11/6/2020, phần đất đang tranh chấp có giá trị 50.000 đồng/m^2 (1.192,4 m^2 x 50.000 đồng = 59.620.000 đồng), lá dừa nước có giá trị là 24.901.500 đồng . Nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích 1.192,4 m^2 thuộc một phần thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng, đối với lá dừa nước trên đất nguyên đơn đồng ý trả giá trị theo định giá cho bị đơn là 24.901.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn H cho rằng vào năm 1983, vợ chồng nguyên đơn cho cha, mẹ của bị đơn H là ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ (hiện đều đã chết) mượn một phần đất để tỉa mạ, do có quan hệ là sui gia nên khi cho mượn không có làm giấy tờ, không có đo đạc phần đất cho mượn và cũng không thỏa thuận thời gian cho mượn, chỉ nói là khi nào gia đình nguyên đơn cần thì lấy lại. Bị đơn H không thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn, ngoài lời trình bày ra nguyên đơn không có chứng cứ gì để chứng minh việc cho cha, mẹ của bị đơn mượn đất vào năm 1983. Còn bị đơn H cho rằng phần đất đang tranh chấp, bị đơn có nghe cha, mẹ của bị đơn nói lại là trước năm 1980 cha, mẹ của bị đơn có mua một miếng đất của cha, mẹ ông Trần Văn T với giá 10.000 đồng khi mua không làm giấy tờ và cũng không có ai biết việc này. Ngoài lời trình bày ra bị đơn H không có chứng cứ gì để chứng minh việc cha, mẹ bị đơn mua một phần đất của cha ông T trước năm 1980. Như vậy, có đủ cơ sở xác định nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của nguyên đơn Võ Thị H.

[5] Tại văn bản số 928/UBND-TNMT ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 182795 ngày 21/4/1997 cho hộ ông Trần Văn T là đúng theo quy định của pháp luật; Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH

00656/BT 494994 ngày 13/5/2015 cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H là trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày là vào khoảng năm 2007-2008 lúc mẹ của bị đơn là bà Đ còn sống thì đôi bên có xảy ra tranh chấp, mẹ của bị đơn có nhờ ấp và xã H giải quyết nhưng không thành. Điều này đã thể hiện bị đơn biết được phần đất đang tranh chấp bên nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng từ khoảng năm 2007-2008 đến nay bị đơn không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên nguyên đơn.

[6] Từ những căn cứ nêu trên. Xét thấy, yêu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại 1.192,4 m^2 thuộc một phần của thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015 là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Phần đất đang tranh chấp hiện nay bị đơn H cùng chồng là Nguyễn Văn C đang quản lý sử dụng, đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015, nhưng ông Trần Văn T đã chết vào năm 2011, ông T có các con là Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị C; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị Đ; Trần Thị H và Trần Phước Y. Do đó, cần buộc bị đơn H cùng chồng là Nguyễn Văn C giao trả 1.192,4 m^2 thuộc một phần của thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng cho nguyên đơn Võ Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị C; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị Đ; Trần Thị H và Trần Phước Y.

[7] Lá dừa nước trên phần đất đang tranh chấp hiện nay là do cha, mẹ của bị đơn là ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Đ trồng vào khoảng năm 1984-1985, hiện nay lá dừa nước này vẫn còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý trả giá trị theo định giá cho bị đơn là 24.901.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn giao lá dừa trên phần đất đang tranh chấp cho nguyên đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị C; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị Đ; Trần Thị H và Trần Phước Y được quyền sử dụng và có trách nhiệm trả lại giá trị cho bị đơn và Ông Nguyễn Văn C theo Biên bản định giá ngày 11/6/2020, đã được các bên thừa nhận là 24.901.500 đồng.

[8] Xét yêu cầu của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015, như đã phân tích ở phần trên và yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, nên yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá tổng cộng là

11.850.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước nên nguyên đơn được nhận lại là 11.850.000 đồng do bị đơn nộp.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[10.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10.2] Nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10.3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị C; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị Đ; Trần Thị H và Trần Phước Y có nghĩa vụ liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Áp dụng: Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 278 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị H về việc yêu cầu buộc bị đơn Nguyễn Thị H giao trả lại cho nguyên đơn diện tích là 1.192,4 m^2 thuộc một phần của thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

2. Buộc bị đơn Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C giao trả lại cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị C; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị Đ; Trần Thị H và Trần Phước Y diện tích là 1.192,4 m^2 thuộc một phần của thửa 281, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 281 có số đo: 17,04 m
- Hướng Tây giáp Rạch Tôm có số đo: 26,41 m
- Hướng Nam giáp Hồ Thị Đ có số đo: 15,48 m + 36,88 m
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa có số đo: 32,32 m

(có sơ đồ kèm theo)

3. Nguyên đơn Võ Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị C; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị Đ; Trần Thị H và Trần Phước Y có nghĩa vụ liên đới trả giá trị lá dừa nước

cho bị đơn Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Văn C là 24.901.500 đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăn lẻ một ngàn năm trăm đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của Bà Võ Thị H còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494995, số vào sổ CH00657 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Trần Văn T và Bà Võ Thị H vào ngày 13/02/2015 của bị đơn Nguyễn Thị H.

5. Về chi phí thẩm định, định giá: Bị đơn Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Văn C phải liên đới nộp 11.850.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*), nguyên đơn Võ Thị H được nhận lại Bà Võ Thị H đã nộp tạm ứng trước là 11.850.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) do bị đơn Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Văn C nộp.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Nguyên đơn Võ Thị H được miễn không phải nộp.

6.2. Bị đơn Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Văn C phải liên đới nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

6.3. Những người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan: Trần Thị C; Trần Kim H; Trần Thị C; Trần Thị L; Trần Phước Th; Trần Thị Đ; Trần Thị H và Trần Phước Y có nghĩa vụ liên đới nộp 622.500 đồng (*Sáu trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng*).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
-Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thành